

Số: 237/ĐTSDH-YDHP
V/v tuyển sinh sau đại học năm 2017

Hải Phòng, ngày 05 tháng 6 năm 2017

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông báo tuyển sinh sau đại học đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ chuyên khoa cấp II và bác sĩ nội trú năm 2017 như sau:

- Nghiên cứu sinh chuyên ngành: Y tế Công cộng, Nhi, Nội Hô hấp, Ngoại Tiêu hóa.
- Cao học: Nội khoa, Nhi khoa, Ngoại khoa, Y tế công cộng, Y học biển.
- CK cấp II: Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội khoa, Sản phụ khoa, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tiêu hóa, Ngoại khoa, Quản lý y tế, Nhi thận - tiết niệu, Nhi khoa, Nhi hô hấp.
- CK cấp I: Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Mắt, Tai Mũi Họng, Hóa sinh, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Lao & Bệnh phổi, Y học cổ truyền, Y học gia đình, Y tế công cộng, Ung bướu, Tâm thần, Xét nghiệm Y học, Gây mê Hồi sức
- Nội trú: Nội, Nhi, Ngoại, Sản.

I- Chuyên ngành tuyển sinh:

1. Tuyển Nghiên cứu sinh (Chỉ tiêu: 25 học viên)

- Chuyên ngành: Y tế Công cộng Mã số: 627203 01
- Chuyên ngành: Nhi khoa Mã số: 62720135
- Chuyên ngành: Nội Hô hấp Mã số: 62720144
- Chuyên ngành: Ngoại Tiêu hóa Mã số: 62720125

1.1. Hình thức và thời gian đào tạo

- Thí sinh có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành: Học tập trung 3 năm.
- Thí sinh có bằng BSCK2, thạc sĩ chuyên ngành gần; Học tập trung 4 năm.
- Thí sinh có bằng Bác sĩ: Học tập trung 5 năm.

1.2. Điều kiện dự tuyển

1.2.1. Văn bằng: người dự tuyển phải có một trong các điều kiện sau:

- a) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại Giỏi trở lên, ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.
- c) Có bằng bác sĩ chuyên khoa II đúng chuyên ngành hoặc bằng BSCK2 chuyên ngành gần đã qua bổ sung kiến thức chuyên ngành theo quy chế đào tạo trước khi dự thi tuyển.

1.2.2. Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học:

- a) Người dự tuyển có bằng thạc sĩ, BSCK2: là tác giả của ít nhất 01 bài báo;
- b) Người dự tuyển chưa có bằng thạc sĩ: là tác giả của ít nhất 02 bài báo hoặc báo cáo;

Các bài báo hoặc báo cáo phải có nội dung liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đã được đăng trên các tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 36 tháng, tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

1.2.3. Kinh nghiệm công tác chuyên môn:

Người dự tuyển có ít nhất 02 năm công tác trong chuyên ngành dự tuyển sau khi tốt nghiệp đại học;

1.2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ:

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;
- b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL IBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng);
- d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a mục 1.2.4 của thông báo này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b mục 1.2.4 khi có

bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại điểm c mục 1.2.4 do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh);

1.2.5. Có một bài luận về dự định nghiên cứu, dài 3 - 4 trang, gồm những nội dung chính sau:

- Lý do chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
- Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
- Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo.
- Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
- Kinh nghiệm về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác; kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề dự định nghiên cứu.
- Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp.

1.2.6. Có giấy chấp thuận hướng dẫn khoa học của người đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định (*phụ lục 2*);

1.2.7. Có thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;

1.2.8. Được cơ quan quản lý nhân sự giới thiệu cho đi dự tuyển;

1.2.9. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;

1.2.10. Hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.2.11. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo qui định của cơ sở đào tạo.

1.3. Quy trình xét tuyển

- Thí sinh được phỏng vấn trình độ chuyên môn, thẩm định trình độ ngoại ngữ và bảo vệ bài luận trước tiểu ban chuyên môn.

- Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển thể hiện ở các nội dung: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đó có và kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận; điểm công trình khoa học (qua các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học, báo cáo khoa học được đăng trong trong tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế và được xuất bản bởi các nhà xuất bản).

1.4 Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu).
- Lý lịch khoa học (có xác nhận của cơ quan cử đi học).
- Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan cử đi học).
- Bản sao giấy khai sinh.
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe.
- Đơn xin tự túc kinh phí nếu không thuộc biên chế nhà nước.
- Giấy chứng nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự.
- Bản sao hợp lệ (có công chứng) bằng tốt nghiệp đại học, cao học, chuyên khoa cấp II; bằng điểm học đại học, cao học, CKII tùy theo từng đối tượng dự thi.
- Bản sao hợp lệ (có công chứng) các bằng và chứng chỉ ngoại ngữ.
- Bài luận về dự định nghiên cứu.
- Hai thư giới thiệu.
- Quyết định hoặc công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý nhân sự cho phép đi học.
- Bản sao các bài báo khoa học đã công bố (trang bìa, mục lục, toàn văn bài báo).
- 03 ảnh mới chụp, cỡ 4 x 6cm (có ghi họ, tên và ngày tháng năm sinh ở mặt sau ảnh); hai phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận.

2- Cao học: (Nội, Ngoại, Nhi, Y tế công cộng, Y học biển) Chỉ tiêu: 120 học viên

2.1 Điều kiện dự thi:

* Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y, có thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi từ 1 năm trở lên.

* Đối với các thí sinh tốt nghiệp đại học Y chính quy, đúng chuyên ngành, đạt từ loại khá trở lên được dự thi tuyển ngay.

* Các thí sinh dự thi là cán bộ của các cơ sở Y tế Nhà nước, phải được cơ quan chủ quản đồng ý cử đi dự thi Cao học.

* Đối với thí sinh dự thi Cao học Y tế công cộng có bằng tốt nghiệp đại học các ngành: môi trường, sinh học, dân số, kinh tế, hóa học, dược, điều dưỡng, xã hội học, nhân học phải có chứng chỉ định hướng chuyên khoa Y tế công cộng và có thâm niên công tác trong ngành y tế hoặc ngành quản lý sức khỏe từ 1 năm trở lên.

* Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

2.2. Môn thi tuyển:

* Môn Chuyên ngành: theo ngành dự thi (chương trình đào tạo bác sĩ).

* Môn Ngoại ngữ: Thi 1 trong 2 thứ tiếng (Anh, Pháp) trình độ B.

* Môn cơ sở:

+ Môn Sinh lý cho hệ Nội, Y học biển, môn Giải phẫu cho hệ Ngoại (chương trình đào tạo bác sĩ).

+ Dịch tễ học cơ sở cho chuyên ngành Y tế công cộng.

3- Chuyên khoa cấp II các chuyên ngành (Chỉ tiêu: 60 học viên)

+ Nội hô hấp	+ Nhi hô hấp	+ Ngoại khoa	+ Quản lý y tế
+ Nội tim mạch	+ Nhi thận tiết niệu	+ Ngoại CTCH	+ Sản-Phụ khoa
+ Nội khoa	+ Nhi khoa	+ Ngoại tiêu hóa	

3.1- Điều kiện dự thi:

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc bằng bác sĩ nội trú hoặc bằng thạc sĩ tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi

- Thí sinh dự thi chuyên ngành Quản lý y tế tốt nghiệp BSCK cấp I không phải chuyên ngành Y tế công cộng phải học bổ sung kiến thức định hướng.

- Thí sinh có bằng chuyên khoa cấp I Lao & bệnh phổi được dự thi chuyên ngành Nội hô hấp.

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi:

+ Đối với người có bằng chuyên khoa cấp 1, bác sĩ nội trú được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp

+ Đối với người có bằng Thạc sĩ: có ít nhất 36 tháng sau khi tốt nghiệp

- Các thí sinh dự thi là cán bộ của các cơ sở Y tế Nhà nước, phải được cơ quan chủ quản đồng ý cử đi dự thi.

3.2- Môn thi tuyển:

* Môn chuyên ngành: theo ngành dự thi (trình độ chuyên khoa cấp I).

* Môn Ngoại ngữ (trình độ B có phần chuyên Y).

4- Chuyên khoa cấp I các chuyên ngành: Chỉ tiêu: 150 học viên

+ Nội khoa	+ Hóa sinh	+ Răng Hàm Mặt
+ Ngoại khoa	+ Y tế công cộng	+ Mắt
+ Sản phụ khoa	+ Y học gia đình	+ Chẩn đoán hình ảnh
+ Nhi khoa	+ Tai Mũi Họng	+ Lao & Bệnh phổi
+ Y học cổ truyền	+ Ung bướu	+ Tâm thần
+ Xét nghiệm Y học	+ Gây mê Hồi sức	

4.1. Điều kiện dự thi:

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp bác sĩ.

- Riêng đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012, cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Riêng Chuyên khoa I Xét nghiệm Y học đối tượng dự thi: bác sĩ; Cử nhân xét nghiệm y học; Cử nhân các ngành Khoa học sức khỏe (điều dưỡng, xét nghiệm y học dự phòng, y tế công cộng), dược sĩ; cử nhân sinh học; cử nhân hóa học

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi:

+ Đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại luật khám chữa bệnh): thí sinh chỉ được dự thi sau khi có chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi

+ Các đối tượng khác: có ít nhất 12 tháng công tác trong chuyên ngành dự thi.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Được cơ quan nơi công tác cử đi học.

4.2. Môn thi tuyển:

*** Môn cơ sở:**

+ Sinh lý cho hệ Nội. Giải phẫu cho hệ Ngoại & Chẩn đoán hình ảnh. Giải phẫu bệnh cho chuyên khoa I Ung bướu.

+ Dịch tễ học cơ sở cho chuyên ngành Y tế công cộng. Sinh học-di truyền cho chuyên ngành Hóa sinh & Xét nghiệm Y học

*** Môn chuyên ngành:**

+ Theo ngành dự thi (chương trình đào tạo bác sĩ).

+ Riêng chuyên khoa cấp I Y học gia đình thi tuyển nội dung thuộc 4 môn: Nội, Ngoại, Sản, Nhi

+ Chuyên khoa I Xét nghiệm Y học môn chuyên ngành thuộc 5 môn Hóa sinh lâm sàng, Huyết học và truyền máu, Vi sinh lâm sàng, Ký sinh trùng lâm sàng và Giải phẫu bệnh

5- Bác sĩ nội trú: (Nội, Nhi, Ngoại, Sản) Chỉ tiêu: 20 học viên

5.1. Điều kiện dự thi:

+ Bác sĩ tốt nghiệp hệ chính quy các trường đại học Y, đại học Y Dược năm 2017 đạt loại khá trở lên. Điểm các môn thuộc chuyên ngành dự thi ≥ 7 điểm

+ Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

5.2. Môn thi tuyển:

+ Môn thi 1: Ngoại ngữ: Thi 1 trong 2 thứ tiếng (Anh, Pháp) trình độ B.

+ Môn thi 2: Chọn 1 trong 4 môn gồm Giải phẫu; Sinh lý; Hóa sinh; Y sinh học di truyền.

+ Môn thi 3; 4

- Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Ngoại: môn thi 3 là Ngoại khoa; môn thi 4 là Sản Phụ khoa.

- Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Sản: môn thi 3 là Sản khoa; môn thi 4 là Ngoại khoa.

- Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Nội môn thi 3 là Nội khoa; môn thi 4 là Nhi khoa.

- Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành Nhi môn thi 3 là Nhi khoa; môn thi 4 là Nội khoa.

Khi xét tuyển, điểm môn thi 3 được coi là môn chuyên ngành.

II- Hình thức và thời gian đào tạo:

Hình thức đào tạo: + Tập trung 2 năm đối với các đối tượng BSCKII, BSCKI, Thạc sĩ.

+ Tập trung 3 năm đối với bác sĩ nội trú.

III- Kinh phí thi tuyển: (Cao học, BSCKII, BSCKI, BSNT)

- Đăng ký dự thi: 150.000đ/hồ sơ, thi tuyển: 400.000đ/môn thi.

- Lệ phí dự tuyển NCS: sẽ thông báo cụ thể sau.

- Hồ sơ và kinh phí tuyển sinh không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ thi.

IV- Thời gian thi tuyển:

- Nhận hồ sơ dự thi tuyển đến hết ngày **30/06/2017**.

- Tập trung về ôn tập thi tuyển tại Trường: 8h ngày **30/6/2017**

- Thời gian thi tuyển dự kiến vào tuần cuối của tháng **8/2017** (Sẽ có giấy thông báo sau)

V- Hồ sơ dự thi tuyển: (Cao học, BSCKII, BSCKI, BSNT)

1- Đơn xin dự thi (theo mẫu).

2- Bản sao công chứng bằng điểm, bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I (đối với thí sinh dự tuyển chuyên khoa II), thí sinh mang bằng gốc để đối chiếu. Những thí sinh dự tuyển tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo Dục & Đào tạo. Bản sao công chứng chứng chỉ định hướng chuyên khoa đối với các chuyên ngành tuyển sinh có yêu cầu.

3- Công văn hoặc quyết định cử đi thi tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự

4- Giấy chứng nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự.

5- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan (theo mẫu lý lịch quy định).

6- Hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm viên chức/ công chức đủ để chứng minh thời gian công tác.

7- Giấy chứng nhận sức khỏe.

8- 02 bì thư, mỗi bì thư đựng 02 ảnh cỡ 4 x 6 mới chụp trong vòng 6 tháng. Bên ngoài hai bì thư và mặt sau tất cả các ảnh ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (chỉ ghi tỉnh, thành phố), chuyên ngành dự thi.

Một số nội dung chi tiết liên hệ: Phòng Đào tạo sau đại học, trường Đại học Y Dược Hải Phòng, phòng 301A nhà A, đường Nguyễn Bình Khiêm, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Điện thoại: 02253.733.311 xin 307 hoặc 02253.735.968.

Đề nghị các cơ sở đào tạo, các cơ sở y tế sớm thông báo và tạo điều kiện thuận lợi cho người đủ điều kiện, có nguyện vọng dự thi kịp thời hoàn thành hồ sơ và nộp hồ sơ đúng thời hạn./.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các cơ sở y tế
- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu ĐTSĐH, VT.

GS.TS Phạm Văn Thúc

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL IBT	45-93
2	IELTS	5-6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	TPKH - TecT no pyccKOMy H3LiKy KaK HHOCTpaHHOMy (TORFL - Test of Russian as a Foreign	TPKH-2

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH
(Trích Thông tư số 08/2017/BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ)

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;
- c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;
- d) Là tác giả chính tối thiểu 01 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;
- đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;
- e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;
- g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

- a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại mục “Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập trên đây;
- b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c của khoản 1 điều này
- c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo./.